

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



SAVL11.270

HKHLSĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập II
(H - N)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

UBNDTĐT
HKHLSĐT

959.789.89
Đ455T

HKHLSĐT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập II
(H - N)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

UBND TĐT
HKHLSĐT

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP
PHÒNG TRƯA CỨU
SAYL 11.270

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập 11

từ H đến N

Nhóm thực hiện:

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Đắc Hiền

Tổ chức bản thảo: Nguyễn Hữu Hiếu

Sưu tầm & biên soạn:

Nguyễn Đắc Hiền

Nguyễn Hữu Hiếu

Ngô Xuân Tư

Lê Đức Hoà

Lê Kim Hoàng

Ngô Văn Bé

Phạm Trọng Tuy

MỤC LỤC

<i>TT</i>	<i>NỘI DUNG</i>	<i>TRANG</i>
72.	Lê Thị Hai	1
73.	Đào Thiên Hải	3
74.	Nguyễn Văn Hải	5
75.	Nguyễn Duy Hạnh	6
76.	Trần Nguyên Hạnh	7
77.	Đào Thái Hạnh	8
78.	Lê Kim Hạnh	9
79.	Lê Thị Hạnh	11
80.	Hồ Hồ Văn Hào	12
81.	Ngô Văn Hay	15
82.	Trương Ngọc Hân	17
83.	Phan Văn Hân	18
84.	Nguyễn Đức Hiền	19
85.	Lê Văn Hiền	20
86.	Lê Thái Hiệp	21
87.	Trương Thị Hoa	22
88.	Sĩ Hoà	24
89.	Tổng Phước Hoà	25
90.	Võ Thái Hoà	26
91.	Dương Văn Hoà	27
92.	Nguyễn Tấn Hoạch	28
93.	Lê Văn Hoanh	29
94.	Võ Hoành	30
95.	Hồ Phú Hoành	32
96.	Hà Hồng Hồ	33
97.	Phạm Văn Hồ	34
98.	Kinh Lịch Hối	35
99.	Nguyễn Minh Hồng	36
100.	Bùi Văn Huân	37
101.	Thiền Sư Minh Thông-Hải Huệ	39
102.	Nguyễn Văn Huệ	41
103.	Lê Vũ Hùng	42
104.	Trần Thanh Hùng	43

105. Huỳnh Công Huy	44
106. Trần Quang Huy	46
107. Phan Thị Huỳnh	47
108. Đoàn Minh Huyền	49
109. Lê Quang Hương	51
110. Nguyễn Hương	53
111. Nguyễn Thế Hữu	55
112. Nguyễn Văn Khải	57
113. Phạm Văn Khanh	59
114. Nguyễn Thanh Khê	61
115. Trần Trọng Khiêm	63
116. Bùi Thanh Khiết	64
117. Nguyễn Đăng Khoa	66
118. Cử Khoé	67
119. Nguyễn Hữu Kiến	68
120. Đốc Bình Kiều	70
121. Nguyễn Văn Kính	72
122. Diệp Văn Kỳ	73
123. Đoàn Thị Lan	74
124. Lưu Văn Lang	76
125. Phạm Hữu Lâu	78
126. Trần Bá Lê	80
127. Trần Thanh Liêm	82
128. Đặng Thúc Liêng	84
129. Nguyễn Văn Linh	85
130. Nguyễn Thị Lợi	87
131. Đỗ Thừa Luông - Đỗ Thừa Tự	89
132. Nguyễn Cẩm Luỹ	90
133. Nguyễn Thị Lựu	91
134. Lê Thị Mai	93
135. Nguyễn Văn Mậu	95
136. Trần Công Minh	96
137. Lê Quang Minh	97
138. Trương Tấn Minh	98
139. Võ Văn Mừng	99
140. Đặng Thị Mười	101
141. Phạm Mười	102
142. Lê Văn Mỹ	103
143. Nguyễn Việt Nam	104
144. Lê Văn Năm	105

145. Nguyễn Văn Năm	107
146. Trần Văn Năng	108
147. Nguyễn Hữu Nghi	110
148. Võ Xuân Nghĩa	111
149. Nguyễn Kim Nha	112
150. Nguyễn Thanh Nha	113
151. Nguyễn Văn Nhàn	115
152. Võ Hồng Nhân	116
153. Lê Kiêng Nhân	117
154. Nguyễn Tôn Nhơn	119
155. Nguyễn Văn Nhơn	120
156. Phạm Thị Nhị	121
157. Lê Quang Nhiêu	123
158. Lê Văn Nhung	124
159. Nguyễn Văn Nhượng	125
160. Trần Thị Nhượng	127
161. Phạm Thị Nữ	129

Tài liệu tham khảo

LÊ THỊ HAI (1920 -)

Bà Lê Thị Hai sinh năm 1920, quê làng Tân Khánh Trung, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Bà lập gia đình với ông Đào Văn Triều sinh năm 1913, quê làng Mỹ Thiện, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Gia đình nghèo, đông con nên vợ chồng bà tới lập nghiệp ở xã Thạnh Lợi (nay là xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Bà hoạt động cách mạng từ năm 1945 trong đoàn thể Phụ nữ Cứu quốc xã, hăng hái vận động chị em giúp đỡ, ủng hộ bộ đội. Nhà bà là nơi thường xuyên nuôi chứa cán bộ, bộ đội. Vừa làm ruộng nuôi sống gia đình thay chồng đi chiến đấu xa, bà vừa lo việc tiếp tế, cung cấp lương thực, xuống, thuốc men.....cho cách mạng. Thời chống Mỹ, bà cùng chị em liên tục đấu tranh chánh trị trực diện với nguy quyền nguy quân, chống đốt nhà, dồn dân, bắn giết người vô tội. Cuối năm 1967, một lần chở gạo, thuốc.....cho cách mạng, bà bị địch bắt ở Thạnh Lợi. Bị tra khảo, giam cầm, bà vẫn kiên trung không khai báo. Bị địch theo dõi gắt gao, mấy lần bà phải lánh né ra Mỹ Hồ và nơi khác tiếp tục hoạt động. Với chồng, con, bà luôn động viên an tâm công tác, việc nhà tuy vất vả nhưng để bà lo.

Chồng bà, ông Đào Văn Triều tham gia cách mạng năm 1945, từ du kích xã ông vào bộ đội khu và chiến đấu dũng cảm được đề bạt làm đại đội trưởng. Trong một trận chiến đấu ông bị thương, được chuyển về công tác ở địa phương. Sau 1954 ông là đảng viên hoạt động hợp pháp ở xã Thạnh Lợi. Qua đồng khởi ông trở lại du kích. Với khẩu súng bả đỏ trong tay, ông từng làm lũ giặc kinh hoàng, đặt cho ông biệt danh ông Hai bả đỏ. Ông lại bị thương cụt một chân. Ông vẫn tiếp tục công tác kinh tài ở Thạnh Lợi. Trong một chuyến đi thu đảm phụ giải phóng, ông bị địch phục kích bắn chết tại ấp Mỹ Hồ ngày 21 - 4 - 1969. Ông được công nhận liệt sĩ và tặng thưởng Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Huy chương Vì sự nghiệp Tài chánh Việt Nam.

Bà còn có 4 con là liệt sĩ :

- Ông Đào Văn Viết (Trung), sinh năm 1933, đi bộ đội từ năm 1949 và lúc hy sinh là Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 261 bộ đội chủ lực khu 8. Trong một trận chống càn năm 1968, ông bị thương cột sống, bị địch bắt và hy sinh trong tù ngày 13 - 3 - 1968. Ông được tặng 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhứt, Nhì, Ba.

- Ông Đào Văn Công (Xê), sinh năm 1947, vô du kích xã Thạnh Lợi, chiến đấu dũng cảm và hy sinh ngày 22 - 5 - 1969, là tiểu đội trưởng du kích. Ông được tặng 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhứt, Nhì, Ba.

Ông Đào Văn Hát (Thanh), sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1962. Ông hy sinh ngày 30 - 1 - 1968, là đại đội trưởng tiểu đoàn 261. Ông được tặng 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhứt, Nhì, Ba.

Ông Đào Văn Y (Thành), sinh năm 1950, cùng nhập ngũ năm 1962. Ông hy sinh ngày 6 - 11 - 1971, là đại đội trưởng tiểu đoàn 261. Ông được tặng 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng Nhứt, Nhì, Ba.

Với công lao của bà và của cả gia đình, bà Lê Thị Hai và ông Đào Văn Triều được tặng Huân chương Độc lập hạng Nhứt; riêng bà còn được tặng 2 Huân chương Giải phóng hạng Nhì, Ba.

Ngày 17 - 12 - 1994, bà Lê Thị Hai được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Bà đang sống trong ngôi nhà tình nghĩa cùng người con trai út là Đào Văn Ê sinh năm 1958 ở ấp 5, xã Vĩnh Bửu, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (tách ra từ xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giao lại cho Long An).

ĐÀO THIÊN HẢI (1978 -)

Đào Thiên Hải sinh năm 1978 tại phường I, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Năm 1983, vừa được 5 tuổi Hải tham gia lớp cờ Vua đầu tiên và sau đó được tuyển vào lớp năng khiếu cờ Vua của tỉnh. Năm 1984 (6 tuổi) Hải dự giải cờ Vua thanh thiếu niên toàn quốc và được xếp hạng Bảy. Được thầy Hoàng Mỹ Sinh hướng dẫn chuyên môn và năm 1985 Hải được chuyên gia cờ Vua Liên Xô tập huấn ở Hà Nội. Sau một tháng tập huấn, chuyên gia cờ Vua Alexandre Popov nhận xét : "Hải là một năng khiếu hiếm có, kể cả ở Liên Xô. Nếu được bồi dưỡng đúng mức thì chỉ đến năm 20 tuổi Hải sẽ trở thành Đại kiện tướng cờ Vua quốc tế."

Những năm kế tiếp, Hải được Sở Thể dục Thể thao Đồng Tháp giúp học văn hoá, vừa tập luyện cờ Vua và tham gia các giải cờ Vua toàn quốc. Hải đã đạt Huy chương Đồng năm 1986, Huy chương Vàng lứa tuổi 11 năm 1987 và Huy chương Bạc ở Hội khoẻ Phù đổng toàn quốc lần thứ II. Năm 1989 Hải sang Liên Xô tập huấn 6 tháng với huấn luyện viên Shechman. Tháng 12-1989 Hải trong đội cờ Vua Việt Nam tham dự giải thiếu niên quốc tế "Biển Đen" ở nước cộng hoà Apkhazia, toàn đội Việt Nam xếp thứ Nhứt, riêng Hải đạt Huy chương Vàng.

Năm 1990 Hải lại đạt Huy chương Vàng tại giải thiếu niên quốc tế tổ chức ở Rumani. Năm này, Hải được huấn luyện viên Zenhia từ nước Cộng hoà Apkhazia sang Đồng Tháp huấn luyện cùng toàn đội.

Năm 1992 Hải đoạt chức Vô địch quốc gia (14 tuổi) và được sang Hunggari tập huấn.

Năm 1993 Hải đoạt chức Vô địch thế giới ở lứa tuổi 16 tại Slovakia, là người Việt Nam đầu tiên đạt danh hiệu vô địch thế giới ở lĩnh vực thể thao và được Chủ tịch nước ta tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Bốn năm học tập và thi đấu ở Hunggari, năm 1995 Hải được phong tặng danh hiệu Đại Kiện tướng quốc tế.

Năm 1997 Hải giành hạng Nhứt toàn quốc.

Năm 1998 đoạt giải Nhì Đại kiện tướng tại Ấn Độ, hạng Ba và hạng Nhứt Đại kiện tướng tại Philippin, hạng Ba giải cờ Vua trẻ U 20 Châu Á và giải cờ Vua Vô địch Châu Á tại Iran, hạng Tư giải cờ Vua trẻ U20 thế giới, hạng Năm giải cờ Vua thế giới vòng loại khu vực 3.2 a.

Năm 1999 Hải giành hạng Nhứt giải cờ Vua hạng Nhứt quốc gia và hạng Nhứt giải cờ nhanh vô địch quốc gia, hạng Nhứt bàn 1 giải cờ Vua đồng

đội Châu Á và hạng Nhứt giải cờ Vua Đại kiện tướng Thanh Đảo, tại Trung Quốc.

Năm 2000 Hải đoạt hạng Nhứt giải cờ nhanh vô địch quốc gia, giải Ba và giải Nhì (vòng 1 và vòng 2) giải cờ vua Đại kiện tướng Cuiris-intuorco, hạng Nhứt giải cờ Vua Thế giới vòng loại khu vực 3.2 a. Với kết quả này, Hải là vận động viên nam Việt Nam đầu tiên lọt vào vòng chung kết thế giới và được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

Năm 2001 Hải giành Vô địch Quốc gia, hạng Nhì giải cờ Vua Thế giới vòng loại khu vực 3.2 a tại Indonêxia, được vào vòng chung kết giải Vô địch thế giới.

Năm 2002 Hải đoạt Vô địch quốc gia, hạng Nhì cá nhân, vô địch đồng đội giải cờ Vua nhanh toàn quốc, hạng Nhì giải cờ Vua truyền thống và hạng Nhứt giải cờ vua nhanh Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc.

Năm 2003, Đào Thiên Hải đoạt Huy chương Đồng giải cờ vua Châu Á tổ chức tại Qatar, Huy chương Bạc giải vô địch toàn quốc tổ chức tại Đồng Tháp, 2 Huy chương Vàng cá nhân, 1 Huy chương Vàng, 1 Huy chương Bạc giải đồng đội cờ Nhanh và cờ Chớp toàn quốc tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, Huy chương Vàng giải đấu thủ mạnh toàn quốc tổ chức tại Kiên Giang và 2 Huy chương Đồng (1 cá nhân, 1 đồng đội), 1 Huy chương Bạc đồng đội.

Năm 2004, Đào Thiên Hải đoạt Huy chương Vàng giải vô địch toàn quốc tổ chức tại Lâm Đồng, 2 Huy chương Vàng cá nhân và 2 Huy chương Vàng đồng đội giải vô địch cờ Chớp, cờ Nhanh tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh, Huy chương Đồng đồng đội giải vô địch đồng đội tổ chức tại Đồng Tháp.

Với phong độ ổn định và phát triển, Đào Thiên Hải sẽ tiếp tục tiến lên trong làng cờ Vua quốc tế.

NGUYỄN VĂN HẢI (1946-)

Nguyễn Văn Hải (tên gia đình là Ngoat), sinh năm 1946, quê xã Đốc Bình Kiều, huyện Mỹ An (nay là huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp).

Do sớm hấp thụ truyền thống cách mạng của gia đình và quê hương Tháp Mười, năm 13 tuổi ông tham gia làm liên lạc, tiếp tế cho cán bộ và cơ sở cách mạng ở xã. Từ năm 1963 đến ngày giải phóng miền Nam, ông tham gia từ du kích xã đến xã đội phó, xã đội trưởng, Bí thư xã ủy, Chánh trị viên Huyện đội, Huyện đội phó... Ông đã chỉ huy du kích xã và bộ đội huyện tổ chức trên 250 trận đánh, diệt ác, phá kềm, chống càn, bao vây, phục kích và tập kích đồn bót, tiêu diệt hơn 900 tên, làm bị thương hơn 1.500 tên khác, bắt 75 tên, thu 107 súng các loại, góp phần xoá phiên hiệu C119 bảo an địch, diệt một đồn cấp trung đội, bức rút 8 đồn khác, bắn cháy một xà lan, vận động 45 binh lính địch mang vũ khí trở về với cách mạng. Trong đó ông trực tiếp đánh 47 trận, diệt hơn 70 tên, bắt 3 tên, thu nhiều vũ khí.

Quá trình chiến đấu, với 3 lần bị thương nhưng ông luôn vững vàng, nêu cao ý chí bất khuất, khắc phục khó khăn, chiến đấu dũng cảm. Có những trận đánh tuy quân ta ít, vũ khí thiếu, nhưng ông cùng với du kích tổ chức đánh địch linh hoạt, mưu trí sáng tạo, tay không bắt địch có vũ khí, lấy vũ khí của địch để đánh địch...

Sau giải phóng, ông Nguyễn Văn Hải luôn hoàn thành nhiệm vụ trên những cương vị mới: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười, Bí thư Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám Đốc Công an tỉnh, Bí thư Đảng ủy Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh, đại biểu Quốc hội khoá IX, X.

Ông Nguyễn Văn Hải được tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhứt, Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, nhiều Huân chương, Huy chương khác và nhiều Bằng khen, Giấy khen.

Thành tích chiến đấu và công tác của Nguyễn Văn Hải đã góp phần vào thành tích chung của xã Đốc Bình Kiều và huyện Mỹ An (Tháp Mười) được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, huyện Tháp Mười được tuyên dương Anh hùng Lao động thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày 21-01-1997, Nguyễn Văn Hải được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên dương danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Hiện nay ông là Đại tá Phó Cục trưởng Cục Hậu cần Bộ Công an.

NGUYỄN DUY HANH (1899 - 1934)

Ông Nguyễn Văn Hanh tên thường dùng là Nguyễn Duy Hanh, bí danh Nhuận, sinh năm 1899 tại làng Bình Đông, tổng An Phú, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội tháng 5-1928 tại Chi hội Lấp Vò.

Khi chi bộ An Nam Cộng sản Đảng đầu tiên ở Lấp Vò được thành lập, Nguyễn Văn Hanh là đảng viên, được chỉ định làm Phó bí thư chi bộ (khoảng tháng 10-1929).

Cuối năm 1929, khi chi bộ An Nam Cộng sản Đảng xã Phong Hòa, quận Ô Môn, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) được thành lập, Nguyễn Văn Hanh được cấp trên điều về làm Bí thư chi bộ này.

Đầu năm 1930, Nguyễn Duy Hanh lại được cấp trên điều về công tác tại cơ quan Xứ ủy (Sài Gòn), sau đó được phái về Mỹ Tho làm Phó Bí thư Tỉnh ủy. Năm 1931, được Xứ ủy Nam Kỳ điều trở lên Sài Gòn công tác và bị mật thám Pháp theo dõi bắt cùng nhiều đồng chí trong cơ quan Xứ ủy. Năm 1933, giặc kêu án Nguyễn Văn Hanh cùng một số đồng chí khác: phát lưu chung thân, đày ra Côn Đảo.

Năm 1934, do yêu cầu công tác ở đất liền, Bác Tôn Đức Thắng tổ chức cuộc vượt đảo cho 11 đồng chí trẻ trong đó có Ngô Gia Tự, Nguyễn Duy Hanh, Năm Ó...

Chuyến vượt biển không thành, 11 đồng chí vĩnh viễn ở lại trong lòng đại dương.

TRẦN NGUYỄN HANH (? - ?)

Ông Trần Nguyễn Hanh (Trần Nguơn Hanh), quê Lấp Vò (nay thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp), cha là Trần Nguyên Vị, làm chức Kinh lịch đời Tự Đức, khi Pháp đến được lưu dụng để dịch những giấy tờ (văn tự) chữ Hán.

Trần Nguyễn Hanh học giỏi cả chữ Hán Nôm và chữ Pháp, đã dịch bài văn bia ở kinh Núi Sập và khảo cứu về phong tục Việt Nam, được Pháp xem như một học giả theo phái tân học trong buổi đầu. Ông góp phần đề cao truyện Lục Vân Tiên, giới thiệu với người Pháp.

Sau thời gian sang Pháp tu nghiệp trở về, ông được bổ nhiệm vào chức vụ tương đương với luật sư, ông đã nhận biện hộ cho những người bị thực dân Pháp truy tố trong vụ án *Phan Công Hớn khởi nghĩa ở 18 thôn vườn trầu*. Dĩ nhiên lời biện hộ ấy chỉ là hình thức, theo thủ tục pháp lý đương thời.

ĐÀO THÁI HANH (1871 – 1916)

Ông Đào Thái Hanh sanh ngày 24 tháng 2 năm 1871 tại làng An Tịch, tổng An Hội, huyện An Xuyên, phủ Tân Thành (nay thuộc xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).

Từ nhỏ, Đào Thái Hanh được cha dạy cho chữ Hán, rồi được học chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Ông có *tên chữ là Gia Hội*, về sau lấy *tên hiệu là Sa Giang và Mộng Châu*. Năm 18 tuổi (1889), Đào Thái Hanh ra làm Chánh Thủ bộ, chuyên lo giấy tờ, sổ sách tại làng An Tịch. Cũng năm này ông thi đỗ và được bổ làm Giáo tập dạy chữ Nho.

Kể từ năm 1891 đến năm 1894, ông được chuyển đi làm thư ký Sở Thương chánh Sài Gòn, rồi làm Thông sự địa hạt ở Bạc Liêu, có lúc làm giáo tập của trường tỉnh tại đây. Chuyển xuống Cà Mau làm Thông sự, rồi xuống làng Tân Huyền làm Hương hộ, Hương quản trong tổng Quản Long. Trở về Bạc Liêu làm thư ký Tòa Bồi, lại xin từ chức sang làm thông ngôn Sở Hóa hạng ở Cà Mau.

Cuối năm 1894, Đào Thái Hanh ra miền Trung làm Ký lục thí sai nhì hạng thuộc Tòa sứ Trung Kỳ, tòng sự tại Bình Định. Cũng từ đây, Đào Thái Hanh chánh thức bước vào hoạn lộ, trở thành “vị quan cao cấp... ngạch Nhà nước An Nam” và là hội viên *Hội những người bạn Huế xưa*, cộng tác viên cần cù cho tập san của Hội này.

Ông Đào Thái Hanh mất ngày 6 tháng 1 năm 1916, tạp chí *Những người bạn cố đô Huế* đã cho đăng tiểu sử của ông và viết:

“Ông Đào Thái Hanh là *Viện sĩ danh dự của Viện Hàn lâm Pháp* từ năm 1910 và là *Hiệp sĩ danh dự của Quốc đoàn danh dự*; là hội viên của “*Hội những người bạn Huế xưa*” kể từ lúc mới thành lập, ông không ngừng hoạt động tuyên truyền để tăng số người gia nhập và do đó để tăng nguồn lực lượng”.

Nhờ có tài thuyết phục được các vị Thượng thư của Vương quốc An Nam quan tâm đến công trình của chúng ta. Ông còn là cộng tác viên cần cù của Tập san, và chúng ta nhờ vào ông mà có được những bài nghiên cứu hấp dẫn về Nữ thần Thiên Y A Na, Liễu Hạnh, Thái Dương, Kỳ Thạch. Ông có viết cho chúng ta những trang sử đẹp về cuộc đời của Ngài Phan Thanh Giản, một gương mặt lớn của lịch sử An Nam. Hoàng Thượng đã truy phong cho Đào Thái Hanh chức *Lễ Bộ Thượng Thư* (Thượng thư Bộ Lễ, nhị đẳng, nhất phẩm).

LÊ KIM HẠNH
(Sáu Mảnh)
(1932 -)

Bà Lê Kim Hạnh (tên thường dùng Sáu Mảnh) sinh năm 1932, quê làng Hòa An, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), con thứ sáu trong một gia đình hơn mười người con.

Tham gia kháng chiến chống Pháp, bà vô dân quân, ngày đêm canh gác xuồng ghe qua lại kinh Sáu Quốc. Năm 1952, bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Bình, sinh năm 1930, quê Long An, là chiến sĩ Vệ quốc đoàn tiêu đoàn 311.

Cha mẹ, các anh chị em trong gia đình bà đều là tín đồ đạo Tin Lành, giác ngộ cách mạng, tất cả đều tham gia hoạt động cách mạng.

Thời chống Mỹ, bà là cơ sở bí mật, nhiều lần được phân công nấu xôi, già đi bán, tiếp tế cho các đoàn đấu tranh chánh trị trực diện từ các xã kéo vào thị xã Cao Lãnh. Bà ở chung nhà với cha mẹ ruột ở xã Hòa An chỉ cách nội ô thị xã hơn 1 cây số, trong vùng địch kèm kẹp nặng, nhưng là cơ sở tin cậy cho lực lượng cách mạng thị xã Cao Lãnh. Trong nhà bà có 2 hầm bí mật và nhiều cái đào ngoài vườn, luôn nuôi chứa cán bộ và đội biệt động thị xã Cao Lãnh. Hằng ngày, bà và người chị thứ tư Lê Thị Mừng, các em gái Út Mười Hai Lê Thị Hồng Hoa, Út Mười Bốn Lê Thị Tùng lo canh gác địch, vừa lo cơm nước cho anh em. Mặc cho địch lùng sục, hăm dọa, cả gia đình bà vẫn một lòng trung kiên với cách mạng. Có lần, địch bắt ngờ bao nhà lục xét, bà chị tư nhanh trí lấy cái nồi đồng úp lên trái mìn, địch không phát hiện được. Anh em ta ở dưới hầm bí mật vẫn an toàn. Từ các hầm bí mật ở nhà bà, ban đêm các cán bộ, chiến sĩ ta lên hoạt động, phát động quần chúng, trừ gian diệt ác, tước súng phòng vệ dân sự... địch không đối phó nổi. Bị một tên chiêu hồi khai báo, chúng bắt Út Mười Hai đánh đập, giam cầm nhưng vẫn không khai thác được gì. Các em trai bà: Út Trí, Út Đảm, Út Hoàng Văn đều thoát ly gia đình, hoạt động cách mạng.

Bà Lê Kim Hạnh có hai con trai. Con lớn, ông Lê Hồng Việt (lấy họ mẹ để che mắt địch) sinh năm 1954, sớm giác ngộ, theo các cậu, các dì hoạt động bí mật. Năm 1972, ông thoát ly gia đình (lấy tên Sơn Hùng) công tác ở văn phòng Thị xã ủy Cao Lãnh, thường xuyên đi hoạt động ở vùng địch kèm kẹp. Trong lần đi điều nghiên đánh địch ở Tân An, ông hy sinh đêm 20-4-1974. Ông được công nhận liệt sĩ và được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, được mẹ đồng ý, động viên, đầu năm 1978, ông Lê Hoàng Nam, người con còn lại gia nhập bộ đội, chiến đấu

bảo vệ Tổ quốc. Ông chiến đấu giỏi, được đề bạt Trung đội phó và anh dũng hy sinh trong trận đánh ngày 14-9-1978.

Do có nhiều công lao với cách mạng, bà Lê Kim Hạnh được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì và có hai con đều là liệt sĩ, bà được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, ngày 17-12-1994. Bà hiện sống trong ngôi nhà tình nghĩa với người cháu nội duy nhất ở ấp Hòa Hưng, xã Hòa An (nay là phường Hòa Thuận, thị xã Cao Lãnh).

Là con gái thứ 4 của ông Lê Quang Hiến (1864 – 1950), bà được đi học, lấy vợ hiền lương. Sau khi lập gia đình với nhà báo nổi tiếng Diệp Văn Kỳ (1893 – 1932), bà được thân gia cho cấp cho hai vợ chồng đi sang Pháp du học.

Hồi hương năm 1904, vợ chồng bà bước chân vào làng báo Sài Gòn, chủ trương tờ tuần báo Đông Pháp thời báo (1927 – 1929), tờ nhật báo Thời chúng (1929 – 1930), tờ nhật báo Công luận (1933 – 1935), gây được tiếng vang trong cả nước.

Để tạp thuận lợi cho hoạt động báo chí, bà trực tiếp mở nhà in Báo Tân, nằm ở góc đường Pilipin và d'Espagne Sài Gòn (1926), từng nhân in báo Đảng thời kỳ Mặt trời báo chí đến chủ: Dân chúng (1938 – 1939), Dân quyền (1938 – 1939), Dân dân (1938), Tiền thân (1939) do các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Đông Dương, Phan Đăng Lưu, Xa lộ viên Trung Kỳ, Lưu Quý Kỳ, Trợ lý Trường ban Tuyên huấn Trung ương, chỉ đạo, biên tập.

Đầu biệt, trước sự cần cấp bách của Đảng, bà đã nhiệt tình nhận in tờ báo "Thay nữ" số đặc biệt kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ 19-5-1940, do Xứ ủy Nam Bộ quyết định xuất bản công khai tại Sài Gòn. Tờ báo trong thời kỳ là lãnh đạo, chỉ và cơ sở về ngôn ngữ năm cánh. Được ủng hộ bởi ông Phan Bội Hưng bí thư Ban Tuyên (Sài Gòn) số 19-5-1940, quyết định cho phát hành trước sự kiện lễ hội, các công nhân, thanh niên nam và chuyển sang địa chỉ cách cách mới.

Vợ chồng bà là bạn thân của Bác Hồ, suốt nhiều thập kỷ học ở Pháp. Tuy không trực tiếp gặp Bác nhưng Xứ ủy Đông và Ban Tuyên ở Sài Gòn đã giúp đỡ cách mạng trong thời gian này.

LÊ THỊ HẠNH (1899 – 1991)

Bà Lê Thị Hạnh sinh ngày 20-3-1899 tại thôn Mỹ Trà, huyện Kiến Phong, phủ Kiến Tường, tỉnh Định Tường (nay thuộc phường 1, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) và mất tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1991, hưởng thọ 92 tuổi.

Là con gái thứ 3 của ông Lê Quang Hiến (1864 – 1950), bà được đi học, thấy xa hiểu rộng. Sau khi lập gia đình với nhà báo nổi tiếng Diệp Văn Kỳ (1895 – 1945), bà được thân phụ chu cấp cho hai vợ chồng bà sang Pháp du học.

Hồi hương năm 1924, vợ chồng bà bước chân vào làng báo Sài Gòn, chủ trương tờ tuần báo Đông Pháp thời báo (1927 – 1929), tờ nhật báo Thần chung (1929 – 1930), tờ nhật báo Công luận (1933 – 1935), gây được tiếng vang trong cả nước.

Để tạo thuận lợi cho hoạt động báo chí, bà trực tiếp mở nhà in Bảo Tồn, nằm ở góc đường Filippini và d'Espagne Sài Gòn (1928), từng nhận in báo Đảng thời kỳ Mặt trận báo chí dân chủ: Dân chúng (1938 – 1939), Dân muốn (1938 – 1939), Dân tiến (1938), Tiến tới (1939) do các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Đông Dương, Phan Đăng Lưu, Xứ ủy viên Trung Kỳ, Lưu Quý Kỳ, Trợ lý Trưởng ban Tuyên huấn Trung Ương, chỉ đạo, biên tập.

Đặc biệt, trước yêu cầu cấp bách của Đảng, bà đã nhiệt tình nhận in tờ báo "Phụ nữ" số đặc biệt kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ 19-5-1946, do Xứ ủy Nam Bộ quyết định phát hành công khai tại Sài Gòn. Tờ báo trang đầu có in ảnh Bác Hồ và cờ đỏ có ngôi sao năm cánh, được tung ra bán công khai ở bùng binh chợ Bến Thành (Sài Gòn) sáng 19-5-1946; quần chúng quá bất ngờ trước sự kiện hi hữu, xúc động này, tranh nhau mua và chuyền nhau đọc một cách thích thú.

Vợ chồng bà là bạn thân của Bác Hồ, thời niên thiếu theo học ở Huế. Tuy không trực diện chiến đấu chống kẻ thù chung, bà luôn luôn ở tư thế giúp đỡ cách mạng trong khả năng sẵn có.

HỒ VĂN HẢO

(1917 - ?)

Ông Hồ Văn Hảo sanh ngày 14-2-1917, tại làng Tân Qui Đông, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp), theo học trường Collège Mỹ Tho (1930 - 1934), đỗ bằng Thành Chung (DEPSI) năm 1934. Biết làm thơ từ lúc 13 tuổi, ông đã góp mặt trên văn đàn từ năm 1933, đặc biệt "rạng danh" qua tờ tuần báo *Phụ nữ tân văn* (1929 - 1934) của bà Nguyễn Đức Nhuận. Năm 1934, ông vinh dự chiếm giải nhứt cuộc thi thơ bằng Pháp văn của Nha học chánh Nam Việt.

Nặng gánh mưu sinh, ông tạm chia tay báo giới, sống cuộc đời công chức bình lặng ở Sài Gòn (1936 - 1945).

Năm 1945, tham gia hoạt động cách mạng, ông bị thực dân Pháp bắt giam ngày 23-9-1945 và bị Sở Mật thám Liên bang Đông Dương quản thúc tại Cao Miên (Cam-pu-chia).

Năm 1950, ông tự xuất bản tập *Thơ Ý* gồm 60 bài thơ đủ thể loại (1934 - 1948), do nhà sách *Yêm Yêm thư trang* của thi sĩ Đông Hồ tổng phát hành.

Năm 1965, ông về sống ở quận Chợ Lách (Vĩnh Long), hoàn thành tập thơ thứ hai *Loạn lạc*, nhưng chưa có điều kiện xuất bản.

Trong các tác phẩm thơ mới của ông, đáng để ý hơn hết là các bài *Con nhà thất nghiệp* (Phụ nữ tân văn số 208 ra ngày 20-7-1933), *Tình Thâm* (PNTV số 210, ra ngày 03-8-1933), vì đã gây chấn động mạnh trong văn giới ở Nam Kỳ, đến mức phải nổ ra những cuộc tranh luận kéo dài giữa nhà giáo Nguyễn Văn Hanh (đề cao thơ cũ, chỉ trích thơ mới ồn ào nhứt) với cô Nguyễn Thị Kiêm - tức nữ sĩ Mạnh Mạnh - diễn ra nhiều lần tại Hội khuyến học Sài Gòn hồi nửa trước thập niên 30 và tất nhiên không thể không dẫn đến bút chiến trên một số tờ báo lúc bấy giờ⁽¹⁾.

Riêng về mặt thi ca, đây là một cuộc vận động "tự cởi trói" mà nó đã âm ỉ từ lâu. Đứng về mặt học thuật, nó nêu cao tinh thần "nghệ thuật vị nhân sinh" trước hiện thực xã hội đen tối ... Các tác giả Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Kiêm, Hồ Văn Hảo, Khắc Minh, Liên Hương, Hoàng Xuân Mộng, Vân Đài, Minh Tâm, Vi Ngã, Nguyễn Nhiều ... là những người hưởng ứng tiêu biểu...

Dưới đây là một bài thơ của ông:

⁽¹⁾ Xem thêm: Nguyễn Hữu Hiệp, "Thơ, bước ngoặt (tự cởi trói) đầu tiên ở Nam Kỳ", văn nghệ Đồng Tháp, số 6 (172), tháng 6/2000, tr.11.

CON NHÀ THẤT NGHIỆP

Ngọn đèn leo lét,
Xác xơ một nóc nhà tranh,
Trên chiếu tan tành,
Một trẻ thơ nằm im, xanh mét ...
Ngoài trời mưa xào xạc,
Gió tạt
Vào vách thưa
Mấy hạt mưa,
Mảnh mùng toi tan tác ...

Lạnh lùng đứa bé
Cựa mình, cất tiếng ho ran,
Người mẹ vội vàng
Vuốt ve rằng : "nín đi con nhé"

Cha con gần về tới,
Con ơi,
Nín đi nào! "
Dạ như bèo,
Miệng cười, hàng lệ xối
Cánh cửa tre từ từ mở ...

Một luồng gió lạnh chen vô,
Đèn vụt tắt, tối mò ...
Ai đó?
Ai? mình về đây!

Chút nữa đã bị còng:
Mới chun vào, họ la ăn trộm !
Nếu chân không chạy sớm,
Mặt vợ con còn thấy chi mong!

Thôi ! Bây giờ tiền đâu mua thuốc

Cho con, chết nổi đi trời!

Túng quá mới ra nghề nhor nhuốc.

Chắc mai đây nhịn đói lắm, mình ơi!

Hồi làm cu li,

Đến mua, tiệm còn bán chịu;

Nay sở đã đuổi ra, thì

Một đồng điếu

Họ cũng bảo đi!

Âm thầm vợ đốt đèn dầu,

Ra chiều buồn bã

Chồng quên lạnh dạ,

Ngồi thờ ra, chắc lưỡi lắc đầu.

Ngoài, vẫn mưa xào xạc,

Trong, đứa bé ho ran...

Ngọn đèn tàn,

Hết dầu nên lu lạt...

NGÔ VĂN HAY
(Thầy giáo Kỳ)
(1903 - 1978)

Ông Ngô Văn Hay, tự Ngô Khắc Kỳ, còn gọi là Thầy giáo Kỳ, sinh năm 1903 tại làng Tân Hưng, Sa Đéc (nay thuộc phường 4, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp), trong một gia đình Nho học có truyền thống yêu nước.

Thuở nhỏ, ông theo học chữ Hán, đến năm 13 tuổi mới theo học chữ quốc ngữ tại trường tỉnh Sa Đéc. Bốn năm (1921-1924) theo học tại trường Sư phạm Sài Gòn, ông từng tham gia các cuộc biểu tình, bãi khóa trong phong trào đấu tranh của học sinh, trí thức Sài Gòn - Gia Định...

Năm 1924, ông tốt nghiệp trường Sư phạm, đồng thời đỗ thêm bằng Diplôme (Thành chung). Ra trường, ông được bổ về dạy học ở trường làng Mỹ An Hưng (Đất Sét).

Từ năm 1926, ông Ngô Văn Hay chuyển về dạy học tại trường Nam Tiểu học Sa Đéc, cho đến năm 1960 ông nghỉ hưu. Trong gần 40 năm làm nghề dạy học, ông là một nhà giáo mẫu mực, khiêm tốn, tận tụy, và hết lòng thương yêu học trò. Những học sinh con nhà nghèo, có hoàn cảnh khó khăn thường được ông giúp đỡ về vật chất (tiền bạc, quần áo...) lẫn tinh thần. Học sinh học giỏi nhưng gia đình nghèo được ông đặc biệt quan tâm nuôi nấng, dạy dỗ. Các thế hệ học trò của ông tiếp thu được tinh thần yêu nước của thầy, nhiều người trở thành chiến sĩ cách mạng, tham gia hoạt động trong suốt hai thời kỳ kháng chiến.

Chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945, gia đình thầy Kỳ là một trong những nơi cô giáo Ngài (Trần Thị Nhượng) bắt liên lạc, xây dựng cơ sở vận động giáo chức và học sinh trong nội thị.

Cuối năm 1946, thầy Kỳ đưa toàn bộ gia đình vào vùng kháng chiến Đồng Tháp Mười, thầy nhận nhiệm vụ với Ty Giáo dục Sa Đéc, nghiên cứu, cải tiến chương trình giảng dạy cho phù hợp với các trường trong vùng kháng chiến.

Năm 1949, giặc Pháp đánh phá ác liệt khu căn cứ Mỹ Quý, thầy Kỳ lại bệnh nặng. Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Sa Đéc thống nhất tổ chức đưa thầy Kỳ về lại Sa Đéc tiếp tục dạy học, hoạt động hợp pháp để củng cố, xây dựng cơ sở nội thành, với nhiệm vụ cụ thể là đi sâu vận động giới trí thức, viên chức ở Sa Đéc tham gia, ủng hộ kháng chiến.

Từ năm 1950, thầy Kỳ về sống ở làng Tân Hưng, Sa Đéc, tiếp tục dạy học tại trường Nam Tiểu học. Năm 1953, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ về Sa Đéc khởi xướng Phong trào bảo vệ hòa bình, thầy Kỳ là người hưởng ứng, tham gia và là thành viên của phong trào này. Hiệp định Genève được ký kết, tiếp theo là những năm tháng chống Mỹ, cứu nước, ngôi nhà và vườn cây

kiêng của thầy giáo Kỳ trở thành một trong những nơi nuôi chứa cán bộ cách mạng, là đường dây hợp pháp để cán bộ bí mật điều lắng, chuyển vùng, là nơi cán bộ ta đến làm công tác tổ chức binh, địch vận, và cũng là nơi che giấu cán bộ khi bị địch truy lùng...

Bên cạnh hình ảnh một nhân sĩ, một nhà giáo yêu nước, ông Ngô Văn Hay còn là một nghệ nhân nổi tiếng với "*Vườn kiêng cổ ở làng Tân Hưng của ông giáo Kỳ*":

Năm 1978, ông Ngô Văn Hay từ trần sau cơn bệnh nặng, hưởng thọ 75 tuổi. Do đã tích cực giúp đỡ và bảo vệ cách mạng, ông được Hội đồng Bộ trưởng tặng *Bằng Có công với Nước*; Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba (thời chống Pháp), Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (thời chống Mỹ).

TRƯƠNG NGỌC HÂN (1950 -)

Ông Trương Ngọc Hân, tên gia đình là Trương Văn Hân, sinh năm 1950, quê xã Bình Thạnh, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là tỉnh Đồng Tháp).

Tháng 4-1967, ông tham gia du kích mật ấp Bình Hưng, xã Bình Thạnh và tháng 2-1968 thoát ly gia đình gia nhập bộ đội địa phương quân huyện Hồng Ngự, chiến đấu dũng cảm và được cất nhắc tiểu đội phó. Tháng 8-1968, ông được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Đầu năm 1969, ông được điều động về đội Biệt động thị trấn Hồng Ngự, từ tiểu đội phó rồi tiểu đội trưởng, sau là đội trưởng kiêm chánh trị viên đội Biệt động thị trấn Hồng Ngự.

Sau giải phóng, từ tháng 8-1975 đến tháng 8-1976, ông là chi ủy viên rồi Bí thư chi bộ Quân sự thị trấn, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân kiêm Thư ký Công đoàn và Trưởng ban Quân sự thị trấn Hồng Ngự. Năm 1977, ông đặc cử vào Huyện ủy Hồng Ngự, năm 1979 vào Ban Thường vụ Huyện ủy và tiếp tục làm Bí thư thị trấn Hồng Ngự. Giữa năm 1982, ông nhận nhiệm vụ Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Hồng Ngự và tháng 12-1982 là Phó Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ IV, năm 1986, ông được bầu Tỉnh ủy viên dự khuyết và làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hồng Ngự. Cuối năm 1987, ông được điều động về tỉnh nhận nhiệm vụ Giám đốc Sở Thương Nghiệp Đồng Tháp và đầu năm 1989 là Phó ban Tổ chức Tỉnh ủy Đồng Tháp.

Khi tách huyện Hồng Ngự ra thành lập thêm huyện Tân Hồng, tháng 5-1989, ông được Tỉnh ủy phân công về làm Bí thư Huyện ủy mới Tân Hồng. Ông còn là đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và đại biểu Quốc Hội khoá VIII. Đến năm 1993, ông về làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Hồng Ngự rồi Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự. Năm 1996, ông được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Tháp và tiếp tục làm Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự. Cuối năm 1999, ông về tỉnh nhận nhiệm vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Từ tháng 6-2001, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ông đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhì, 3 Huy chương và danh hiệu Dũng sĩ Quyết thắng.



PHAN VĂN HÂN (1925 - 1968)

Ông Phan Văn Hân, tên thường dùng Phan Thành Long, Tư Long, bí danh Hai Xang, sinh năm 1925, quê làng Nhơn Mỹ, quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên (nay là huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

Ông tham gia cách mạng năm 1940 và trải qua các chức vụ quan trọng:

Tháng 12-1952, ông là Bí thư Tỉnh ủy kiêm chánh trị viên Tỉnh đội Long Châu Sa.

Từ tháng 8-1954 đến cuối năm 1956, ông là Liên Tỉnh ủy viên rồi Ủy viên Thường vụ Liên Tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ, Trưởng ban Binh vận Liên Tỉnh miền Trung Nam Bộ, Thành ủy viên Khu Sài Gòn – Gia Định.

Sau tấn công Xuân Mậu Thân (1968) ông bị địch bắt, thủ tiêu ở hầm P42. Sau giải phóng, hài cốt ông tìm được và cải táng ở nghĩa trang liệt sĩ thành phố Hồ Chí Minh.

Tên ông Phan Văn Hân được chọn đặt cho một con đường ở phường 2, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và ở phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NGUYỄN ĐẮC HIỀN (1938 -)

Ông Nguyễn Đắc Hiền, sanh năm 1938, quê làng Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Năm 1949, ông là đội viên Thiếu nhi Danh dự xã. Cuối năm 1954, ông tham gia biểu tình của học sinh Cao Lãnh chống địch phá Đài Chiến sĩ và hoạt động bí mật tại xã. Tháng 7-1956, ông được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Lao động. Tháng 12-1958, ông bị địch bắt giam ở nhà tù Kiến Phong đến tháng 9-1960.

Ra tù, ông vô vùng giải phóng công tác ở tổ Hội họa, Ban Tuyên huấn tỉnh Kiến Phong. Tháng 9-1963 ông được cử đi học lớp Báo chí do Ban Tuyên huấn R mở. Trở về, tháng 5-1964, ông được cử làm tổ báo chí, chuyên trách tờ báo Cờ Giải phóng tỉnh. Tháng 7-1964 ông được kết nạp vào Đảng Nhân dân Cách mạng Việt Nam. Tháng 4-1965, ông được đề bạt Phó Tiểu ban Thông tấn Báo chí và Trưởng Tiểu ban vào năm 1969. Tháng 11-1969, ông là Ủy viên Ban Tuyên huấn tỉnh và Ủy viên Đảng ủy cơ sở Ban Tuyên huấn. Cuối năm 1971, ông đi học trường Trần Phú và tháng 6-1972 được bầu Bí thư Đảng ủy cơ sở Ban Tuyên huấn tỉnh. Tháng 7-1974, ông được cử Phó ban Tuyên huấn tỉnh.

Liên sau ngày giải phóng, ông là ủy viên Ủy ban Quân quản thị xã Cao Lãnh. Đến tháng 10-1975, ông được quyết định làm Trưởng Ty Giáo dục tỉnh Sa Đéc. Khi thành lập tỉnh Đồng Tháp, ông là Phó Trưởng Ty Thông tin Văn hóa. Từ 8-1977 đến 8-1979, ông được cử đi học trường Đảng Cao cấp Nguyễn Ái Quốc - Hà Nội. Tháng 12-1980, Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần II, ông được bầu vào Ban Chấp hành và nhận nhiệm vụ Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin. Tháng 7-1984, ông làm Phó ban Tuyên huấn tỉnh, kiêm Trưởng ban Vận động thành lập Hội Văn nghệ tỉnh (1985), Giám đốc Nhà xuất bản Tổng hợp tỉnh (1986). Tháng 8-1989, ông chuyên trách Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh. Đầu năm 1992, ông được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp. Tháng 3-1998 ông được bầu Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp. Tháng 9-2000, ông thôi tham gia Ban Chấp hành và nghỉ hưu. Tháng 11-2000, ông được tin nhiệm bầu làm Phó Chủ tịch Hội Khuyến học tỉnh Đồng Tháp và tháng 7-2004 là Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử tỉnh. Ông có khả năng hoạt động trong lãnh vực văn hóa - văn nghệ: viết báo, vẽ tranh, chụp ảnh, viết nhạc, viết sách.

Ông đã được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Huân chương Quyết thắng hạng Nhứt, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba và hai danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, nhiều Huy chương và Bằng khen, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Ông hiện ngụ ở xã Hòa An, thị xã Cao Lãnh (nay là phường Hòa Thuận, thị xã Cao Lãnh).

LÊ VĂN HIỂN
(Lê Quang Hiến)
(1872 - 1950)

Ông Lê Văn Hiến (sau khi sinh là Lê Văn Đức) sau có tên Lê Thái, Lê Trung Chính, sinh năm 1872, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc.

Ông Lê Quang Hiến quê làng Mỹ Trà (nay thuộc thị xã Cao Lãnh), là một điền chủ giàu có, yêu nước, có nhiều kinh nghiệm trong khai khẩn đất hoang ở vùng Cao Lãnh.

Khi phong trào Đông du nổ ra, không sợ liên lụy, ông hỗ trợ nhiều tiền bạc cho phong trào, trực tiếp qua Nguyễn Quang Diêu và nhứt là Cường Đê, đã được Cường Đê phong cấp cho bằng “Đê Đốc”, thường làm công việc từ thiện; cứu mang, trợ giúp người nghèo khó, bỏ tiền ra xây cầu, đắp đường, tài trợ cho nhiều học sinh ăn học thành tài... Năm 1923, thấy Cao Lãnh là một quận được thành lập từ năm 1914 mà không nhà thương để chăm sóc sức khỏe cho dân nghèo, ông hiến một miếng đất và đứng ra làm cuộc lạc quyên, ông đứng đầu danh sách ủng hộ 1.000 đồng (lúc ấy giá lúa là 0,3 đồng/gia) để xây dựng nhà thương Cao Lãnh (cuộc lạc quyên được 7.979 đồng).

Trong những năm 1930, với lòng kiên nhẫn và kinh nghiệm dày dặn, ông đã vượt qua bao trở ngại từ thiên nhiên, thời tiết.... đã thành công trong việc khai khẩn đất hoang ở Đồng Tháp Mười, trong khi nhiều điền chủ, tư sản khác có cả người Pháp, người Ấn thất bại đến sạt nghiệp. Ông đã được chánh quyền thực dân Pháp lúc ấy ban cho Khuê bài Canh nông, vì thành tích này.

Ngày 9-3-1945, Nhứt đảo chánh Pháp, chánh quyền thực dân Pháp ở Cao Lãnh tan rã; trong khi quân Nhứt chưa kịp thiết lập chánh quyền mới thay thế, tình hình trật tự xã hội hết sức hỗn độn, nhứt là khi Nguyễn Phú Hựu, nguyên là nghị viên Hội đồng Quản hạt tự xưng là Tổng đốc lưỡng tỉnh (Vĩnh Long - Sa Đéc) kéo lên Cao Lãnh ban bố tình trạng tự do “on den oán trả”. Nhân dân địa phương dưới sự chỉ đạo của chi bộ Đảng Cao Lãnh, cử đồng chí Lê Văn Thượng làm phó quận trưởng và Lê Quang Hiến làm quận trưởng. Nhờ thế mà trật tự được ổn định.

Sau ngày 23-9-1945, thực dân Pháp trở lại tái chiếm Nam Kỳ, ông Lê Quang Hiến ủng hộ kháng chiến nhiều lúa gạo, tiền bạc; hưởng ứng chủ trương tiêu thổ kháng chiến của cách mạng, ông phá bỏ nhà cửa rút theo lực lượng kháng chiến vào căn cứ.

Đến năm 1950, ông lâm bệnh qua đời trong vùng kháng chiến, an táng tại Ba Sao (Cao Lãnh), thọ 78 tuổi.

LÊ THÁI HIỆP (1923 – 1991)

Ông Lê Thái Hiệp (tên khai sinh là Lê Văn Đô) còn có tên Lê Thái, Lê Trung Chính, sinh năm 1923, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Ông hoạt động cách mạng từ tháng 3-1945 và tham gia cướp chính quyền ở Cao Lãnh ngày 25-8-1945. Ông là giáo viên Hội truyền bá quốc ngữ và hội viên Hội Thanh niên cứu quốc tại xã nhà. Năm 1947, ông làm Trưởng ban Thông tin tuyên truyền huyện Cao Lãnh. Tháng 2-1948 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản.

Tháng 6-1949 ông là Huyện ủy viên Huyện ủy Cao Lãnh rồi lên tỉnh làm Phó Ty Thông tin tuyên truyền tỉnh Sa Đéc, sau đó phụ trách trường Đảng tỉnh Long Châu Sa.

Tháng 8-1954 ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Sa Đéc, sau đó được rút lên làm Chánh văn phòng Khu ủy Khu 8 (Trung Nam Bộ). Tháng 6-1961 ông về làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Tháng 2-1964 ông là Khu ủy viên và về làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong thay đồng chí Trần Anh Điền đi học. Tháng 2-1966 ông trở về Khu phụ trách công tác Tuyên huấn Khu 8. Là người nhạy bén, sắc sảo về chính trị và tư tưởng, ông đóng góp nhiều vào lĩnh vực này lúc làm Bí thư Tỉnh ủy Kiến Phong cũng như lúc phụ trách công tác Tuyên huấn Khu. Do bệnh nhiều, ông được đưa ra Bắc và đi chữa trị ở Cộng hòa Dân chủ Đức từ tháng 2-1969 đến tháng 8-1970. Trở về ông được cử làm Phó ban rồi sau đó là Trưởng ban Nghiên cứu tổng hợp Trung ương cục miền Nam, cho đến cuối năm 1975.

Đầu năm 1976 ông là Vụ trưởng Vụ địa phương 2 Văn phòng Trung ương Đảng và làm tốt nhiệm vụ này cho đến lúc về hưu, tháng 12-1986.

Do sức khỏe kém, bệnh nặng, ông qua đời ngày 4-10-1991, thọ 68 tuổi. Ông được an táng tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình hoạt động hào hùng và những đóng góp to lớn của ông, đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhứt, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhứt, hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhứt, Huân chương Quyết thắng hạng Nhứt, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, cùng nhiều Huy chương, Bằng khen....

TRƯƠNG THỊ HOA

(**Tư Chổng**)

(1917-1968)

Bà Trương Thị Hoa sinh năm 1917 tại làng Mỹ Xương, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc. Nhưng quê gốc của bà ở Cà Mau, con ông Trương Văn Giai và Nguyễn Thị Bông.

Lớn lên bà Hoa lập gia đình với ông Nguyễn Văn Chổng ở làng Bình Hàng Tây. Ông Chổng sinh năm 1912, là con thứ tư trong một gia đình nông dân tương đối khá giả. Do đó, người trong làng cũng thường gọi bà là bà Tư Chổng.

Bà Tư Chổng là con dâu hiếu thảo, người vợ hiền trong gia đình. Hai vợ chồng chí thú làm ăn: hết mùa lúa, bắt tay qua làm cá, làm mắm...ăn nên làm ra. Bà Hoa và chồng có quan hệ tốt với láng giềng, thường hòa nhã trong cư xử, không làm méch lòng ai.

Hai vợ chồng có bốn con trai và ba con gái. Vì không có làm khai sanh, nên các con bà phải đi học lớp học tư trong xóm, mà bà con ở đây gọi là "trường thảng".

Thời kỳ chống Mỹ Diệm, ông Tư Chổng là một trong những người tích cực hoạt động, đến ngày 23-2-1968, ông được vinh dự đứng vào hàng ngũ của Đảng. Ông được bố trí hoạt động hợp pháp ở địa phương. Bà Hoa thay chồng chịu khó tảo tần lo việc ruộng nương cày cấy, làm cá, làm mắm, chăm sóc dạy dỗ con cái để chồng yên tâm công tác. Gia đình có nuôi 4 con trâu, chẳng những để công tác gần 40 công ruộng mà còn dùng chúng làm phương tiện nghỉ trang trong canh tác cách mạng. Khi liên lạc, đưa tin, đi họp...khi ông, khi bà lúc lùa, lúc dẫn trâu ra đồng...để qua mắt giặc. Chính các con trâu này đã nhiều lần cứu ông Tư Chổng thoát khỏi tay giặc. Đối với các gia đình neo đơn trong xóm, hai ông bà thường đem trâu cày bừa giúp không tính công.

Du kích, bộ đội, cán bộ địa phương thường tạt qua nhà bà ăn cơm, nghỉ qua đêm trên đường đi công tác. Để đề phòng trường hợp giặc đột kích bất ngờ, trong nhà có làm một hầm bí mật. Trong những năm chiến tranh ác liệt, đại bộ phận dân cư trong xóm đều tản cư. Riêng hộ bà Hoa và một vài hộ nữa vẫn kiên trì bám trụ, bà nghĩ rằng, nếu gia đình bà cũng tản cư thì cả xóm sẽ đi hết, thì cán bộ du kích dựa vào đâu để hoạt động.

Cả bảy người con của bà Hoa đều ý thức được bổn phận của mình đối với Tổ quốc và đều tham gia bộ đội, du kích, phụ nữ, giao liên. Khi chiến tranh kết thúc, gia đình bà Hoa có hai người con đã hy sinh cho sự nghiệp lớn

của dân tộc. Đó là ông Nguyễn Văn Cứng, bộ đội hy sinh năm 1967 và chị Nguyễn Thị Bé, giao liên hy sinh năm 1971.

Không có nỗi đau nào bằng nỗi đau của người mẹ mất con. Sau khi ông Cứng hy sinh, bà Hoa lo lắng cho sáu người con còn lại lúc nào cũng đứng trước lửa đạn của quân thù.

Một đêm trong tháng 12-1968, du kích xã và bộ đội huyện Cao Lãnh về đóng dọc theo xóm ngã ba Giò Gà (Bình Hàng Tây), nhà bà Hoa cũng có một số du kích trú đóng. Lúc bảy giờ nhân dân trong xóm, tản cư gần hết, chỉ còn lại năm nhà (Chín Thương, Tám Trực, Hai Nhung, Tư Quận và Tư Chổng). Do mật báo chỉ điểm, bọn chi khu Kiến Văn, tổ chức đánh biệt kích vào xóm này. Khoảng 4 giờ sáng, chó sủa rộ lên. Bà Hoa thức giấc, mở cửa sau đi ra ngoài nghe ngóng. Chẳng may, địch phát hiện và bắt sống bà, để bảo đảm bí mật cuộc hành quân của chúng. Để đánh động, bà la hét cho chúng bắn bà. Nghe tiếng súng, anh em ta rút qua bên kia sông an toàn. Theo ông Sáu Liên (ở đội diện với nhà bà Hoa, bên kia rạch), thì đêm đó, nếu lính nguỵ không nổ súng giết bà Hoa, thì du kích, bộ đội và dân trong xóm không biết là bao nhiêu người chết!

Hành động hy sinh anh dũng của bà cùng với sự hy sinh của hai người con trong sự nghiệp giải phóng dân tộc rất đáng được người đời ngưỡng mộ. Năm 1994, bà Trương Thị Hoa được Chủ tịch nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng.